

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON 19/8

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON 19/8

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
01	Nguyễn Ngọc Diễm	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
02	Trần Thị Thu Bình	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
03	Trần Ngọc Bích	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên hội đồng	
04	Trần Thị Thu Cúc	Chủ tịch Công đoàn	Thư ký hội đồng	
05	Trần Thị Thúy Mai	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
06	Mai Công Kim Oanh	Tổ trưởng tổ chuyên môn Mẫu giáo 5-6 tuổi	Ủy viên hội đồng	
07	Chu Thị Kim Ánh	Tổ trưởng tổ chuyên	Ủy viên	

		môn Mẫu giáo 4-5 tuổi	hội đồng	
08	Phạm Thanh Thảo	Tổ trưởng tổ chuyên môn Mẫu giáo 3-4 tuổi	Ủy viên hội đồng	
09	Hồ Thị Phương Giang	Tổ trưởng tổ chuyên môn khối Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
10	Phan Thị Thùy Hoa	Giáo viên tổ chuyên môn Mẫu giáo 5-6 tuổi	Ủy viên hội đồng	
11	Trần Thị Ngọc Diệp	Giáo viên tổ chuyên môn Mẫu giáo 4-5 tuổi	Ủy viên hội đồng	
12	Huỳnh Thị Thanh Thủy	Giáo viên tổ chuyên môn khối Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	21
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	32
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	36
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	38

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	41
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	43
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	44
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	46
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị.	49
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.	50
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	52
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	57
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	58
Mở đầu	58
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.	59
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	64
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	64
Mở đầu	64
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	65
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	68
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	70
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	76
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	77
Phần IV. PHỤ LỤC	1-28

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X

Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X

Kết quả: đạt Mức 2

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

PHẦN I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 19/8

Tên trước đây (nếu có): Trường Mẫu giáo Măng non 19/8

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Ngọc Diễm
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Hóc Môn	Điện thoại	0394470885
Xã / phường/thị trấn	Xuân Thới Sơn	Fax	Không có
Đạt CQG	Mức 1	Website	http://mn19thang8.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2009	Số điểm trường	01 điểm
Công lập	X	Loại hình khác	Không có
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không có
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không có.
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Nhóm trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Nhóm trẻ từ 19 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	04	04	04	04	04
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	04	05	05	04	05
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	06	05	05	06	05
Cộng	18	18	18	18	18

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	20	20	20	20	20	
1	Phòng kiên cố	20	20	20	20	20	

2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	03	03	03	03	03	
1	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	04	04	04	04	04	
1	Phòng kiên cố	04	04	04	04	04	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	

IV	Khối phòng tổ chức ăn	01	01	01	01	01	
V	Các phòng chức năng khác	05	05	05	05	05	
VI	Phòng y tế	01	01	01	01	01	
	Cộng	33	33	33	33	33	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 01 năm 2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	38	38	00	00	08	30	
Nhân viên	15	11	00	00	15	00	
Cộng	56	52	00	00	23	33	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số giáo viên	37	37	38	38	38

2	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	$91/8 = 11,4$ trẻ/ giáo viên	$88/8 = 11$ trẻ/ giáo viên	$92/8 = 11,5$ trẻ/ giáo viên	$86/8 = 10,8$ trẻ/ giáo viên	$106/8=13,25$ trẻ/giáo viên
3	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	$547/29 = 18,9$ trẻ/ giáo viên	$534/29 = 18,4$ trẻ/ giáo viên	$518/30 = 17,3$ trẻ/ giáo viên	$535/30 = 17,8$ trẻ/ giáo viên	$436/30=14,5$ 3 trẻ/giáo viên
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	00	09	00	02	00

6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	01	00
---	---	----	----	----	----	----

4. Trẻ em

STT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	638	622	610	621	542	
	- Nữ	329	298	312	314	267	
	- Dân tộc thiểu số	07	08	04	09	04	
2	Đối tượng chính sách	03	00	01	00	00	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	205	178	168	197	235	
5	Học 2 buổi/ngày	638	622	610	621	542	
6	Bán trú	638	622	610	621	542	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	$547/14 = 39,1$ trẻ/lớp	$534/14 = 38,1$ trẻ/lớp	$518/14 = 37$ trẻ/lớp	$535/14 = 38,2$ trẻ/lớp	$436/14=31,2$ trẻ/lớp	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	$91/4 = 22,7$ trẻ/nhóm	$88/4 = 22$ trẻ/nhóm	$92/4 = 23$ trẻ/nhóm	$86/4 = 21,5$ trẻ/nhóm	$106/4=26,5$ trẻ/nhóm	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	07	11	11	13	14	

	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	22	26	24	21	27	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	62	51	57	52	65	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	141	149	117	147	113	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	158	192	185	159	158	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	248	193	216	229	165	

PHẦN II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 19/8 trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-UB ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn trên cơ sở nâng cấp Trường Mẫu giáo Măng non 19/8 thành Trường Mầm non 19/8, tọa lạc tại khu dân cư.

Năm học 2013-2014, được sự quan tâm của Ban lãnh đạo các cấp, trường được xây dựng mới tại địa chỉ số 31/7 A, ấp 03 xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn với tổng diện tích 6.227,2m² từ nguồn vốn ngân sách Thành phố. Trường được xây dựng kiên cố và chính thức đưa vào hoạt động từ tháng 9/2014 trong năm học 2014-2015.

Trong những năm qua Trường Mầm non 19/8 cũng đã từng bước nỗ lực đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục trẻ, tạo được uy tín đối với lãnh đạo, các bậc cha mẹ trẻ và nhân dân địa phương. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đồng đều về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm. Qua quá trình nỗ lực của tập thể, liên tục trong nhiều năm qua nhà trường đã được công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc từ năm học 2014-2015 đến nay. Đạt Bằng khen Ủy ban nhân dân Thành phố năm học 2017-2018 và 2019-2020. Trường được công nhận đạt Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố năm học 2019-2020. Năm 2017 kiểm định chất lượng đạt cấp độ 3. Tháng 9/2018 nhà trường được công nhận Trường Mầm non đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1.

Năm học 2020-2021, trường có 38 giáo viên được phân công trực tiếp làm công tác chăm sóc và giáo dục trẻ, trong đó trình độ chuyên môn trên chuẩn là 24/38, đạt tỷ lệ 63.2%, đạt chuẩn là 14/38, tỷ lệ 36.8%. Tổng số học sinh tính đến tháng 01 năm 2023 có 604 trẻ chia thành 18 nhóm lớp từ 6 tháng đến 5-6 tuổi. Trường có Chi bộ độc lập gồm 16 đảng viên; Chi bộ đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” liên tục từ năm 2018 đến năm 2020, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Tổ chức

Công đoàn nhiều năm liền hoàn thành xuất sắc. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Ban đại diện cha mẹ trẻ đều hoạt động tích cực, phối hợp cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Mục đích tự đánh giá

Qua việc tự đánh giá giúp nhà trường từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Thông qua kết quả tự đánh giá làm căn cứ giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để được cơ quan chức năng đánh giá và công nhận Trường Mầm non 19/8 đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Trường Mầm non 19/8 tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

Ngày 01 tháng 11 năm 2021: nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phân công dự thảo kế hoạch đánh giá, thông qua buổi họp Hội đồng sư phạm và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đến ngày 02 tháng 01 năm 2023: các nhóm thu thập, mã hóa các minh chứng, phân công cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí.

Ngày 03 tháng 12 năm 2022: thông qua hoạt động tự đánh giá của các thành viên, tổ nhóm, Hội đồng tự đánh giá thống nhất về mức độ đơn vị đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 04 tháng 12 năm 2022 đến ngày 09 tháng 12 năm 2022: họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa, xử lý các ý kiến đóng góp.

Ngày 10 tháng 12 năm 2022 đến ngày 24 tháng 12 năm 2022: hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022: thực hiện công bố bảng báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non 19/8 xây dựng kế hoạch năm học hằng năm thể hiện được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản. Bên cạnh đó, trường còn chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Các hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại đơn vị và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-01].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể; đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả. Tuy nhiên, Số lượng cha mẹ trẻ tham gia xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa nhiều [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp [H1-1.1-03]. Có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng

đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-01], [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Trường Mầm non 19/8 có xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp; có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược và huy động được sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Số lượng cha mẹ trẻ tham gia xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng phát huy việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển theo giai đoạn 2020-2025 và tổ chức nhiều cuộc hội thảo cùng phụ huynh phối hợp lấy ý kiến đóng góp, tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 19/8 có Hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 11 thành viên [H1-1.1-05]. Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường

được thành lập vào đầu năm học [H1-1.1-06]. Ngoài ra, vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: Hội đồng tuyển sinh được thành lập trước khi khai giảng năm học mới; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

b) Hội đồng trường và các Hội đồng khác hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường giúp nhà trường đánh giá các hoạt động, rà soát các chỉ tiêu nhà trường đề ra trong kế hoạch năm học trường đã thực hiện từng học kỳ; Hội đồng thi đua giúp nhà trường nhận xét, đánh giá thi đua chất lượng hiệu quả, công khai theo đúng quy trình. [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

c) Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác được định kỳ rà soát và đánh giá để nâng cao hiệu quả hoạt động [H1-1.1-05]; [H1-1.2-01].

Mức 2:

Hội đồng trường và các Hội đồng khác hoạt động theo kế hoạch và được định kỳ rà soát, đánh giá theo từng hoạt động, phát huy hiệu quả chất lượng công tác của hội đồng; đánh giá tình hình hoạt động, phong trào thi đua và các mặt hoạt động của nhà trường, giúp các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. Tuy nhiên, các thành viên của Hội đồng trường chưa phát huy hết năng lực, công tác chính là giảng dạy nên công tác kiêm nhiệm của Hội đồng chưa sâu, hiệu quả chưa cao [H1-1.1-05]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập theo quy định và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Các thành viên trong hội đồng trường là ban chấp hành hội phụ huynh, chính quyền nên việc sắp xếp thời gian tham gia hội họp chưa thuận tiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường và các hội đồng khác. Bên cạnh đó, hiệu trưởng tạo điều kiện và sắp xếp thời gian phù hợp cho các thành viên Hội đồng tham gia hoạt động tốt hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường cơ cấu tổ chức theo quy định: tổ chức Công đoàn cơ sở gồm 56 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trực

thuộc Đoàn xã Xuân Thới Sơn [H1-1.3-02]. Trường có các tổ chức xã hội: Chi hội Khuyến học [H1-1.3-03], Chi hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-04].

b) Ban Chấp hành Công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn, nhiều năm liền đạt Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 08 đoàn viên trực thuộc Đoàn xã Xuân Thới Sơn, đạt thành tích Chi đoàn vững mạnh nhiều năm liền, từ năm 2019 đến nay đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-02]. Chi hội Chữ thập đỏ hoạt động tốt theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn [H1-1.3-04]. Chi hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của Hội Khuyến học xã Xuân Thới Sơn, được Hội Khuyến học xã Xuân Thới Sơn đánh giá xuất sắc năm 2021 [H1-1.3-03].

c) Hằng năm, các đoàn thể và các tổ chức khác được rà soát, đánh giá. Công đoàn cơ sở đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2017-2020, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2020-2022 [H1-1.3-01], Chi đoàn đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn, Bí thư Chi bộ là Hiệu trưởng Trường Mầm non 19/8 [H1-1.03-05]. Chi bộ nhà trường có Cấp ủy chi bộ gồm 03 đồng chí: Bí thư (Hiệu trưởng), Phó Bí thư (Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng), Chi ủy viên (Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục). Chi bộ gồm 16 đảng viên (03 cán bộ quản lý, 11 giáo viên và 02 nhân viên), tổ chức sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định Điều lệ Đảng để đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường và xây dựng tổ chức đảng ở đơn vị, công tác xây dựng Đảng và chỉ đạo các mặt hoạt động của các đoàn thể [H1-1.3-05]; trong 05 năm tính đến thời điểm đánh giá, năm 2017 và năm 2021 Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh và 03 năm liền từ năm 2018 đến năm 2020 Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Công đoàn vận động công đoàn viên tích cực tham gia các phong trào thi đua thao giảng, dạy tốt, thi giáo viên giỏi, viết sáng kiến, vận động đóng góp

ủng hộ các phong trào, các cuộc vận động xã hội như đóng góp nhà tình nghĩa, hiến máu tình nguyện, giúp đỡ hoàn cảnh khó khăn. Công đoàn thực hiện chăm lo các chế độ ngày lễ, Tết, thăm hỏi, hiếu, hỷ,... kịp thời cho công đoàn viên đơn vị. tổ chức và tham gia nhiều phong trào đạt giải, tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho Mẹ Việt Nam Anh hùng, mẹ neo đơn, người có hoàn cảnh khó khăn, giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng [H1-1.3-01].

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện nhiều công trình thanh niên sáng tạo như công trình “Tiếp bước đến trường”, “Nhà tái chế” bằng hình thức bán tranh cát, ghép hình và vận động học sinh góp ve chai gây quỹ học bổng tặng học sinh khó khăn của trường, thăm tặng quà cho Mẹ Việt Nam Anh hùng, khu địa chỉ đỏ; tổ chức về nguồn ở Thảo Cầm Viên, sinh hoạt chủ điểm tại đền thờ ông Phan Công Hớn, xã Bà Điểm; phát động cha mẹ trẻ, đoàn viên bảo vệ môi trường; giới thiệu đoàn viên ưu tú làm nguồn cho Đảng.

Hằng năm, Chi hội Chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn, tham gia hiến máu tình nguyện [H1-1.3-04]. Chi hội Khuyến học nhà trường tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh nuôi heo đất, chăm lo cho học sinh nghèo, khó khăn. Tuy nhiên, các hoạt động của Chi hội Khuyến học chưa có nhiều hình thức mới nên hạn chế trong việc thu hút sự tham gia của phụ huynh [H1-1.3-03].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ nhà trường có 02 năm đạt trong sạch vững mạnh (2017,2021), 03 năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ (năm 2018, 2019, 2020) [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường như hỗ trợ văn nghệ, các hội thi thể dục thể thao, tham gia thi nấu ăn, thi tìm hiểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, thi trực tuyến, thi sáng tạo clip “Hạnh phúc ngày trở lại trường”. Tham gia đóng góp học bổng, giúp mẹ neo đơn, chăm lo Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo học sinh khó khăn, chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn trong mùa dịch Covid-19, xung phong tham gia tuyến đầu chống dịch, hỗ

trợ địa phương tổ chức nơi ăn nghỉ, lưu trú cho bộ đội tham gia chống dịch tại địa phương [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ học sinh chưa sắp xếp thời gian tham gia Hội khuyến học đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và phát huy vai trò của các tổ chức trong nhà trường. Ngoài ra, nhà trường tạo điều kiện và vận động cha mẹ học sinh tham gia cùng Chi hội Khuyến học các hoạt động đầy đủ và có hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 19/8 có 18 nhóm lớp được bố trí cán bộ quản lý gồm hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) Hằng năm, hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó cho các tổ nhằm đảm bảo đúng cơ cấu theo quy định, trường có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn gồm 01 tổ nhân viên nấu ăn (06 nhân viên nấu ăn) và 04 tổ giáo viên (01 tổ giáo viên khối Nhà trẻ, 01 tổ giáo viên khối 3-4 tuổi, 01 tổ giáo viên khối 4-5 tuổi, 01 tổ giáo viên khối 5-6 tuổi); Tổ văn phòng gồm 01 kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 03 bảo vệ, 02 nhân viên phục vụ [H1-1.4-05].

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ mỗi tháng hai lần theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ; quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng [H1-1.4-06], [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Năm học 2021-2022 tổ chuyên môn thực hiện theo kế hoạch của trường do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn đề xuất và thực hiện hiệu quả 02 chuyên đề trường và 04 chuyên đề tổ [H1-1.4-08].

b) Hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động tích cực, hoàn thành tốt các kế hoạch đề ra góp phần trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch của nhà trường, của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Đồng thời, các tổ chuyên môn tự đề xuất chuyên đề riêng của tổ, mỗi tổ chuyên môn xây dựng và tổ chức 01 chuyên đề của tổ. Tuy nhiên, các tổ chuyên môn chưa tạo cơ hội cho các giáo viên trẻ thực hiện các chuyên đề [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động tích cực, thực hiện tốt kế hoạch của tổ, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tốt 01 chuyên đề.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên mới chưa linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động và xây dựng kế hoạch giáo dục của lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2022-2023 và những năm tiếp theo, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục sẽ thảo luận, hướng dẫn tổ trưởng nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề chuyên sâu của tổ mình, giúp giáo viên nắm vững chuyên môn hơn. Đồng thời, thường xuyên bồi dưỡng cho các giáo viên trẻ thực hiện tốt các hoạt động và điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 18 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi, trong đó có 01 lớp ghép do sĩ số học sinh ít (6-12 tháng và 12-18 tháng), có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định:

+ Nhóm 6-18 tháng: 01

+ Nhóm 19-24 tháng: 01

+ Nhóm 25-36 tháng : 02

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 04

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 05

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 05 [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

b) 100% nhóm lớp nhà trẻ, mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày [H1-1.5-01].

c) Trong các năm qua, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2:

Năm học 2022-2023 toàn trường có tổng số 604 trẻ, trong đó:

01 Nhóm 6-18 tháng (16 trẻ)

01 Nhóm 19-24 tháng (27 trẻ)

02 Nhóm 25-36 tháng (34 trẻ)

04 Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (129 trẻ)

05 Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (133 trẻ)

05 Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (235 trẻ)

Số trẻ trong các nhóm lớp nhà trẻ và mẫu giáo đảm bảo theo Điều lệ trường mầm non quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 3:

Nhà trường có 18 nhóm lớp nhà trẻ, mẫu giáo phù hợp với quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]. Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ của các độ tuổi ra lớp chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch huy động trẻ ra lớp.

2. Điểm mạnh

Trường có các nhóm, lớp nhà trẻ và mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học 02 buổi/ngày.

Số lượng trẻ trong các nhóm, lớp nhà trẻ và mẫu giáo đúng quy định theo Điều lệ trường mầm non.

Số nhóm, lớp không quá 20 lớp theo quy định.

2. Điểm yếu

không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, trường sẽ duy trì và phân chia trẻ đúng theo độ tuổi. Bên cạnh đó, nhà trường có kế hoạch tuyển sinh và tuyên truyền đến cha mẹ trẻ thông qua đài phát thanh địa phương, trang web trường và các bảng thông tin tại trường. Đồng thời, tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch để cha mẹ trẻ an tâm cho trẻ đến trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hồ sơ, sổ sách của nhà trường đầy đủ, sắp xếp khoa học được thực hiện đúng theo quy định của Luật Lưu trữ như: hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01], hồ sơ thi đua [H1-1.2-02], hồ sơ kiểm tra nội bộ [H1-1.6-04], sổ công văn đi, đến [H1-1.6-09], hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.6-03], hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-04].

b) Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-05]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-06]. Hằng năm, Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-07].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-03].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EPMIS, phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm phổ cập giáo dục [H1-1.6-08]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS, EPMIS, cổng thông tin điện tử, kết nối mạng nội bộ, phần mềm VIETEC,

phần mềm quản lý chất lượng giáo dục. Công tác tài chính hằng năm được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hóc Môn kiểm tra và đánh giá tốt [H1-1.6-08].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-06]

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn nhưng chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản. Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để cải tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với tình hình thực tế, địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Đồng thời, sẽ tham mưu xây dựng kế hoạch dài hạn tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Trường còn một giáo viên trình độ trung cấp và chưa có nhân viên nấu ăn đạt trình độ trung cấp [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Vào đầu năm học, nhà trường xây dựng bảng phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.6-04]; [H1-1.4-08]; [H1-1.7-03].

c) Hằng năm, nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ, phát huy quyền làm chủ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong mọi hoạt động, đảm bảo các quyền theo quy định [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công hợp lý để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.7-03]. Hằng tháng, thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, qua đó điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. 30/38 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn [H1-1.6-01]; [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực, được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên cấp dưỡng chưa sử dụng tốt công nghệ thông tin trong việc tính khẩu phần dinh dưỡng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trình độ chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên cấp dưỡng được học hỏi, bồi dưỡng thêm công nghệ thông tin để phục vụ hiệu quả hơn trong công tác.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

b) *Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và nhà trường [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được các nhóm lớp xây dựng thành kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi và được thực hiện soạn trên phần mềm Mindjet MindManager đầy đủ [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục của các lớp được tổ trưởng chuyên môn và phó hiệu trưởng kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08].

Mức 2:

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường bằng các biện pháp chỉ đạo như: thông qua mạng nội bộ, thăm lớp, dự giờ thực tế, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ tại đơn vị và được Tổ mầm non Huyện đánh giá tốt, tuy nhiên một vài giáo viên mới ra trường chưa linh hoạt trong việc soạn kế hoạch giáo dục [H1-1.8-03]; [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục; có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời và được Tổ mầm non huyện Học Môn đánh giá tốt.

3. Điểm yếu

Còn một số giáo viên mới phân bổ nội dung dạy cho giờ học và ngoài giờ chưa hợp lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá và chú ý kiểm tra bồi dưỡng cho giáo viên mới nhiều hơn, để nâng hiệu cao quả xây dựng kế hoạch giáo dục.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt

động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trước khi ban hành kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các nội quy quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động, nhà trường tổ chức lấy ý kiến đề tất các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động, ban hành kèm theo Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020. Tuy nhiên, trong các buổi họp nhân viên và giáo viên mới chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng tập thể [H1-1.7-04].

b) Nhà trường không xảy ra các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.7-04].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả thông qua văn bản, các cuộc họp, quy chế chi tiêu nội bộ, bảng công khai tại văn phòng [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Một vài nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng nội qui của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong đơn vị, động viên gợi ý để các thành viên mạnh dạn góp ý, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực [H1-1.10-01]. Bếp ăn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và hình thức tiếp công dân trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.9-02]. Thực hiện đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ. Trường Mầm non 19/8 có tổ chức tuyên truyền, giới thiệu biện pháp phòng chống tai nạn, thương tích, phòng cháy chữa cháy, phòng chống ngộ độc thực phẩm đến phụ huynh ở đầu năm học và hằng tháng thông qua bảng truyền thông. Tuy nhiên, trong các buổi họp đầu năm vẫn còn nhiều phụ huynh vắng mặt [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

c) Nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-07].

Mức 2:

a) Nhà trường phổ biến, hướng dẫn, thực hành cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường tổ chức hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh trong buổi họp đầu năm chưa được 100% phụ huynh vì có một số nhiều phụ huynh vắng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tiếp tục cải tiến hình thức tuyên truyền và vận động phụ huynh tham dự đầy đủ, tổ chức lồng ghép họp sau giờ đón trẻ để đảm bảo nhiều phụ huynh tham gia nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp với phụ huynh trong việc đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo an toàn trong trường học và nâng cao hiệu quả chất lượng cuộc sống.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường.

Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo quy định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính minh bạch, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ.

Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và đội ngũ khi đang sinh hoạt và làm việc tại trường.

Công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để đội ngũ phấn đấu vươn lên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Luôn đạt được thành tích tốt trong các phong trào thi đua của ngành và của trường.

Điểm yếu cơ bản:

Số lượng cha mẹ trẻ tham gia xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa nhiều.

Các thành viên của Hội đồng trường chưa phát huy hết năng lực, công tác chính là giảng dạy nên công tác kiêm nhiệm của Hội đồng chưa sâu, hiệu quả không cao.

Hoạt động Chi hội Khuyến học chưa có nhiều hình thức mới nên không thu hút sự tham gia của phụ huynh nhiều.

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với tình hình thực tế, địa phương.

Chưa có nhân viên nấu ăn đạt trình độ trung cấp.

Còn một số giáo viên mới chưa linh hoạt điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ tại lớp.

Số lượng Tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng Tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/00

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trường Mầm non 19/8 đảm bảo đầy đủ nhân sự theo cơ cấu của Điều lệ

trường mầm non. Bên cạnh đó, trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng của đội ngũ như: tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, bảo vệ quyền lợi chính đáng để giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có bằng đại học sư phạm mầm non và cử nhân Quản lý giáo dục, có 20 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non; 02 phó hiệu trưởng của trường có bằng đại học sư phạm mầm non, có 12 năm công tác liên tục trong giáo dục mầm non; tất cả cán bộ quản lý trường đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý và lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) Hằng năm, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng đã có bằng đại học Quản lý giáo dục mầm non, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin A, chứng chỉ anh văn B; Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đã học lớp bồi dưỡng chuyên viên, lớp quản lý cấp phòng. Tuy nhiên, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng chưa có chứng chỉ Anh ngữ B1 [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Liên tục 05 năm tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đạt 02 năm Xuất sắc, 01 năm đạt mức Tốt, 02 năm đạt mức Khá theo quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã có giấy chứng nhận Trung cấp lý luận chính trị - hành chính [H1-1.6-01]. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.6-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tục tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đạt 02 năm xuất sắc, 01 năm đạt mức Tốt, 02 năm đạt mức Khá theo quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

03 cán bộ quản lý đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn, có bằng đại học Quản lý giáo dục, Trung cấp lý luận chính trị - hành chính và có đủ các chứng chỉ anh văn, tin học theo quy định. 03 quản lý có chứng chỉ Bồi dưỡng ngạch chuyên viên (hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng).

Có 03/03 - tỷ lệ 100% hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá xếp loại 02 năm xuất sắc, 01 năm đạt mức tốt, 02 năm đạt mức khá theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non, có năng lực kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, được sự tín nhiệm cao từ tập thể và phụ huynh.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng chưa có chứng chỉ Anh ngữ B2.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường phấn đấu xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non

đồng thời, 03 quản lý sẽ đăng ký thi lấy chứng chỉ Anh ngữ hạng B2 để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của ngành học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập: có 38 giáo viên (37 viên chức, 01 hợp đồng khoán), trong đó 09 giáo viên phụ trách 04 nhóm nhà trẻ và 29 giáo viên phụ trách 14 lớp mẫu giáo [H1-1.7-03].

b) Trường có 08/37/38 giáo viên (tỷ lệ 21,05%) đạt chuẩn giáo viên mầm non; 30/37/38 giáo viên (tỷ lệ 78,95%) có trình độ đào tạo trên chuẩn theo quy định

[H1-1.7-01].

c) Hằng năm nhà trường đánh giá xếp loại giáo viên theo quy định, năm học 2021-2022, trường có 38 giáo viên (có 37 giáo viên là viên chức, 01 giáo viên hợp đồng khoán), 37/37/38 giáo viên được đánh giá xếp loại, trong đó 8/37 giáo viên xếp loại đạt, tỉ lệ 21.62%, 22/37 giáo viên xếp loại khá, tỉ lệ 59.46%, 07/37 giáo viên xếp loại tốt, tỉ lệ 18.92% [H2-2.2-01].

Mức 2:

a) Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đến thời điểm hiện tại có 08/38 giáo viên (tỷ lệ 21,05%) đạt chuẩn giáo viên mầm non; 30/38 giáo viên (tỷ lệ 78,95%) có trình độ đào tạo trên chuẩn theo quy định [H1-1.7-01].

b) Hằng năm, trường tổ chức đánh giá xếp loại Chuẩn nghề nghiệp cho 100% giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.2-01], [H2-2.2-02]. cụ thể như sau:

Năm học	Số giáo viên	Kết quả xếp loại			Ghi chú
		Đạt	Khá	Tốt	
2017 - 2018	34		17/34 tỷ lệ 50%	17/34 tỷ lệ 50%	
2018 - 2019	37	08/37	25/37	04/37	

		tỷ lệ 21,6%	tỷ lệ 67,6%	tỷ lệ 10,81%	
2019 - 2020	34	08/34 tỷ lệ 23,53%	25/34 tỷ lệ 73,52%	01/34 tỷ lệ 2,93%	
2020 - 2021	34	10/34 tỷ lệ 27%	25/34 tỷ lệ 67,6%	02/34 tỷ lệ 5,40%	
2021-2022	37	8/37 giáo viên xếp loại đạt, tỉ lệ 21.62%	22/37 giáo viên xếp loại khá, tỉ lệ 59.46%	07/37 giáo viên xếp loại tốt, tỉ lệ 18.92%	

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Mức 3:

a) 08/37/38 giáo viên (tỷ lệ 21,05%) đạt chuẩn giáo viên mầm non; 30/38 giáo viên (tỷ lệ 78,95%) có trình độ đào tạo trên chuẩn theo quy định [H1-1.7-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 37/37/38 giáo viên - tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, 07/37/38 giáo viên (tỷ lệ 21.62%) xếp loại tốt và năm 2017-2018 có 11/20 giáo viên (tỷ lệ 55%) xếp loại xuất sắc [H2-2.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định. Trong năm 2021-2022, trường không có giáo viên bị kỷ luật và 30/37/38 giáo viên (tỷ lệ 78,95%) có trình độ đào tạo trên chuẩn theo quy định.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn giáo viên ở mức tốt còn thấp 7/37/38, tỉ lệ 18,92%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, tạo điều kiện 8 giáo viên cao đẳng đang tham gia học đại học Sư phạm mầm non tốt nghiệp đúng tiến độ và nâng cao tỷ lệ chuẩn giáo viên đạt từ tốt trở từ trên 20%.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 19/8 có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm phụ trách các hoạt động của nhà trường do hiệu trưởng phân công: 01 kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 văn thư, 01 nhân viên y tế, 03 bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ, 06 nhân viên nấu ăn [H2-1.6-01]; [H1-1.7-03].

b) Nhân viên đều được qua trường lớp đào tạo chuyên ngành như: kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán, y tế có trình độ trung cấp y sỹ; thủ quỹ trình độ trung cấp kế toán; văn thư có bằng trung cấp văn thư lưu trữ, 06 nhân viên nấu ăn đã qua sơ cấp nấu ăn, nhân viên nấu ăn chưa có trình độ trung cấp nấu

ăn [H1-1.6-01]. Nhân viên của trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.7-03].

c) Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ trường mầm non [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường: 01 kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 văn thư, 01 nhân viên y tế, 03 bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ, 06 nhân viên nấu ăn. Tuy nhiên nhà trường chưa có nhân viên nấu ăn chưa có bằng trung cấp nấu ăn [H1-1.6-01]; [H2-2.1-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.9-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán; văn thư có bằng trung cấp văn thư lưu trữ; thủ quỹ có trình độ trung cấp kế toán; y tế có trình độ trung cấp y sĩ; nhân viên nấu ăn đã qua sơ cấp nấu ăn, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ hằng năm [H1-1.6-01].

b) Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên có số lượng theo quy định và có tinh thần ý thức trách nhiệm cao, luôn hỗ trợ, phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, hoàn thành tốt công tác được giao.

3. Điểm yếu

Một nhân viên bảo vệ mới chưa được tham gia qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm kế tiếp, nhà trường duy trì phát huy các mặt mạnh, ngoài ra tạo điều kiện cho nhân viên bảo vệ đăng ký học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình giáo dục mầm non. Giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn cao, được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Đội ngũ nhân viên, giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, có kinh nghiệm được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Nhân viên nấu ăn chưa có bằng trung cấp nấu ăn.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn giáo viên từ khá trở lên còn thấp 59.46%.

Số lượng Tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng Tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư, cải tạo ngày càng khang trang, hiện đại; các thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trang bị đầy đủ để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay. Các phòng học, bếp ăn, khuôn viên nhà trường, sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo theo yêu cầu quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có tổng diện tích đất là 6.227 m², bình quân 12,6 m²/trẻ, được xây dựng kiên cố, một trệt, một lầu, đảm bảo đủ diện tích cho trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường có tường rào bao quanh, được xây dựng chắc chắn, kiên cố; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ, cổng chính có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có sân chơi khá rộng rãi với diện tích 3.104,2m², được quy hoạch, thiết kế phù hợp, thuận tiện cho trẻ vui chơi: khu chơi cát và nước, khu trò chơi dân gian, khu trò chơi vận động [H3-3.1-01]. Mỗi phòng lớp đều có hiên chơi trước 20m² và hiên chơi sau với diện tích 15,8m² cho trẻ vui chơi, học tập, ăn uống đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ khi sinh hoạt, có lan can bao quanh cao 1,5m, trường có cây xanh, vườn cây, vườn rau dành riêng cho trẻ ươm cây, chăm sóc giúp trẻ khám phá, học tập, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ đều được sử dụng [H3-3.1-01].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định cụ thể: diện tích xây dựng công trình 2.4991,88m²; diện tích sân vườn, cây xanh 1.168,84m²; diện tích sân bãi, giao thông 3.104,2m² [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có 03 sân chơi của nhóm nhà trẻ và 06 sân chơi nhóm mẫu giáo được lát cỏ nhân tạo và bố trí nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có mái che khu vực nắng; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02].

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, sân vườn lát cỏ nhân tạo luôn sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời phù hợp với trẻ như: khu trò chơi vận động, cầu trượt, leo núi, bập bênh nhún, thang leo, đu quay, xích đu, cầu thăng bằng [H3-3.1-03].

Mức 3:

Năm 2021-2022 nhà trường đã cải tạo thêm 05 sân chơi lát cỏ nhân tạo để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động kết hợp vận động trong thiên nhiên, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ và bố trí hợp lý. Tuy nhiên, sân chơi cát nước còn bê tông hóa [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất sử dụng đạt theo quy định, được xây dựng kiên cố, có biển tên trường và tường rào bao xung quanh kiên cố đảm bảo an toàn. Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và bổ sung đồ chơi ngoài danh mục quy định. Sân chơi có bóng mát, mái che đảm bảo cho trẻ khi chơi.

3. Điểm yếu

Sân sau khối mầm còn khoảng diện tích bê tông hóa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2023, nhà trường tiếp tục duy trì bảo quản và trang bị thêm thiết bị đồ dùng đồ chơi theo quy định và quy hoạch trồng thêm cây xanh, phân công nhân viên chăm sóc cây thường xuyên tưới nước, bón phân để cây luôn tươi tốt, phát triển nhanh tạo bóng mát cho trẻ hoạt động ngoài sân. Đồng thời cải tạo, xây dựng môi trường thân thiện, trải thêm cỏ nhân tạo nhằm xóa bê tông hóa khu vực sân chơi để trẻ vui chơi được gần gũi thiên nhiên hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 20 phòng học, trong đó có 04 phòng nhóm nhà trẻ và 16 phòng lớp mẫu giáo. Sử dụng 04 phòng nhóm nhà trẻ (01 nhóm 6-18 tháng, 01 nhóm 19-24 tháng, 02 nhóm 25-36 tháng) và 14 phòng lớp mẫu giáo, trong đó 05 phòng lớp 5-6 tuổi, 05 phòng lớp 4-5 tuổi, 04 phòng lớp 3-4 tuổi. Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường. Hiện còn 02 phòng học lớp mẫu giáo còn trống [H3-3.1-01].

b) Phòng sinh hoạt chung: diện tích phòng khối mẫu giáo 76,3 m²/phòng, bình quân 2,5 m²/trẻ; nền nhà khô sạch, có đủ ánh sáng, đảm bảo ấm áp về mùa lạnh, thoáng mát về mùa hè; trẻ ăn ngủ tại phòng sinh hoạt. Phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất đều có diện tích 73,5 m² và có lịch sinh hoạt cụ thể. Phòng giáo dục nghệ thuật có gương áp tường và gióng múa, trang bị các đồ chơi âm nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa, đàn casio, máy cassette. Phòng giáo dục thể chất có thang leo, bộ tập gym, vòng, banh, các loại đồ chơi đi thăng bằng, nệm mouse để trẻ vận động được đảm bảo an toàn. Phòng thư viện có nội quy phòng thư viện, trang bị đầy đủ các loại kệ để sách, tranh truyện phù hợp, có đủ bàn ghế nệm tạo cho trẻ thoải mái khi đọc, xem sách [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03].

c) Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, đúng theo quy định, xung quanh phòng có trang bị quạt trần, tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H1-1.6-03]; [H3-3.1-01].

b) Phòng sinh hoạt có không gian thoáng mát, có đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ như nệm, gối, đảm bảo được vệ sinh an toàn cho trẻ. Góc đọc sách có kệ, có các loại sách tranh truyện phù hợp lứa tuổi mầm non, có bàn, ghế nệm cho trẻ ngồi đọc sách. Đồ dùng được bố trí sắp xếp gọn gàng, hợp lý, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.1-01].

Mức 3:

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: gương, đàn, dụng cụ âm nhạc, trang phục. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng được trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Chưa có phòng riêng cho hoạt động ngoại khóa ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, trường tiếp tục duy trì và bổ sung thêm học cụ, thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho phòng chức năng, đồng thời tận dụng phòng kho để làm phòng học ngoại khóa anh ngữ, tin học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định;

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định như: phòng hội trường, phòng hành chính, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng nghỉ nhân viên, phòng bảo vệ [H3-3.1-01].

b) Các phòng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị như: hệ thống âm thanh, máy chiếu, bàn ghế họp, tủ đựng hồ sơ, có các biểu bảng theo quy định, có máy vi tính nối mạng để làm việc và nghiên cứu [H3-3.1-03].

c) Nhà để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn tiện lợi, trật tự [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Các phòng hành chính - quản trị đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non như: phòng hội trường có diện tích 76,3 m², phòng hiệu trưởng diện tích 29,7 m², phòng phó hiệu trưởng diện tích 29,7 m², phòng hành chính diện tích 15 m², phòng y tế diện tích 22,5 m², phòng bảo vệ diện tích 9 m², phòng nghỉ nhân viên diện tích 39,5 m² [H3-3.1-01].

b) Nhà để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên diện tích 63 m² được xây dựng kiên cố có mái che đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.1-01]. Tuy nhiên, nhà xe của giáo viên, nhân viên có một mặt được lắp đặt bằng song sắt, thiếu vách che chống mưa.

Mức 3:

Trường có đầy đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 thông tư ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học về

yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng với diện tích phù hợp yêu cầu. Có đủ đồ dùng và các phương tiện làm việc; phòng y tế có tủ y tế các loại thuốc thông dụng cần thiết, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; có phòng bảo vệ, nhà để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhà xe giáo viên, nhân viên được lắp đặt bằng song sắt, thiếu vách che chống mưa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, nhà trường tiếp tục duy trì các phòng hành chính - quản trị đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, và hiệu trưởng có kế hoạch cân đối kinh phí để làm vách che cho nhà xe, bảo vệ tài sản của giáo viên, nhân viên tốt hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố, có diện tích 183,75m² được thiết kế theo quy trình bếp một chiều; sử dụng gas công nghiệp và bếp điện từ, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như: tủ hấp cơm, tủ sấy chén, máy xay thịt, sinh tố, có phòng giặt được trang bị máy giặt, máy hấp khăn cho trẻ [H3-3.1-01].

b) Kho thực phẩm với diện tích 12,25m², có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, có bảng ghi tồn kho theo quy định [H3-3.4-01].

c) Có 01 tủ lưu mẫu thức ăn đạt yêu cầu, hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn, 01 tủ lạnh bảo quản thực phẩm, 01 tủ mát để yaourt [H3-3.1-01].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, diện tích 183,75m², được sắp xếp theo quy trình vận hành bếp một chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu xào thái, khu chế biến, khu chia thức ăn [H3-3.1-01]. Có đầy đủ đồ dùng bằng inox như: xe đẩy, tủ hấp cơm, máy sấy tô chén, máy xay thịt, máy xay sinh tố, máy ép cam, sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện [H3-3.1-03]; có hệ thống hút khói, thoát mùi [H3-3.1-01]; bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn [H3-3.4-01]; có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm cho trẻ, đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định; có trang bị xe tiếp cơm tại các lớp [H3-3.1-03]. Tuy nhiên, trường chưa trang bị máy cắt rau củ, máy rửa chén để giảm tải sức lao động cho nhân viên nấu ăn.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (Quy định tại khoản 1, 2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07: 2010/BYT). Nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, các cửa sổ có cửa lưới để chống chuột, ruồi, gián hoặc côn trùng khác. Tường, trần nhà nhẵn, bằng phẳng thuận tiện cho việc làm vệ sinh khử trùng. Bàn ghế, vật dụng nhà bếp được inox hóa, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh, khử trùng. Có tủ lạnh, tủ đông, tủ mát để bảo quản thực phẩm. Bếp có hệ thống nước sạch, trang bị nơi rửa tay và

xà phòng để nhân viên nấu ăn sử dụng, có đủ phương tiện thu gom vận chuyển rác thải, thực phẩm, thức ăn thừa chắc chắn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh [H1-1.6-03], [H1-1.10-02]; [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà bếp được xây dựng kiên cố, rộng, thoáng, trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

3. Điểm yếu

Trường chưa trang bị máy cắt rau củ, máy rửa chén để giảm tải sức lao động cho nhân viên nấu ăn và nhà bếp chưa theo quy trình bếp 1 chiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tham mưu phòng Giáo dục và Ủy ban nhân dân huyện cải tạo lại nhà bếp bố trí lại theo quy trình bếp một chiều và trang bị máy cắt rau củ, máy rửa chén.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;*
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.1-03].

b) Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục quy định, nhà trường còn đầu tư một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi của trẻ như: đồ chơi vận động, các loại lắp ráp, các loại cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện, được giáo viên sưu tầm, sáng tạo, tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi [H3-3.1-03]. Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở có tính thẩm mỹ phù hợp nhu cầu trẻ nhưng độ bền không cao [H3-3.5-01].

c) Trước khi vào năm học mới, nhà trường kiểm kê, sửa chữa, công cụ dụng cụ bị hư hỏng, bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi tự làm [H1-1.6-03]; [H3-3.5-02].

Mức 2:

a) Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: phần mềm Imas, Mind Manger 8.0, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm bảo công nghệ [H1-1.6-08]. Các lớp sử dụng máy tính cho trẻ học tập các trò chơi Kidmas [H3-3.1-03].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-03].

c) Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm

non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 phù hợp như: các loại đồ chơi lắp ráp, các khối, cờ vua, đồ chơi làm quen với toán, chữ viết và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở (trò chơi trẻ làm nhạc công, đi trên gáo dừa, ném vòng vào cổ chai, cà kheo, cầu khí, cầu thăng bằng, lưới tung bóng) nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.6-03].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phong phú, sáng tạo, gần gũi thiên nhiên được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị theo danh mục quy định phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Hằng năm, nhà trường đều có thực hiện mua sắm, sửa chữa, bổ sung các đồ dùng đồ chơi đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phong phú, sáng tạo được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Một vài giáo viên chưa khai thác hết sản phẩm của trẻ trong tổ chức hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục trang bị, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi sáng tạo kết hợp sử dụng sản phẩm của trẻ, thể hiện tính thẩm mỹ và có độ bền cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của đồ dùng, đồ chơi.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh cho trẻ, có đủ bồn tiểu, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính, có bồn rửa tay cho trẻ và nhà vệ sinh riêng cho giáo viên; có 02 khu nhà vệ sinh chung cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03]. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.1-01]. Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập nên không có phòng vệ sinh dành riêng cho trẻ khuyết tật [H1-1.5-01].

b) Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.1-01]. Sử dụng nguồn nước máy để chế biến thức ăn, sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân, có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn [H3-3.6-01]; trẻ được uống nước khoáng Bidrico, có chứng nhận của công ty cung cấp nước cho trẻ, giáo viên, nhân viên [H3-3.6-01], [H3-3.6-02].

c) Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với công ty trách nhiệm hữu hạn Hữu Tín và hợp đồng rác y tế. Hằng ngày rác thải được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng

trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-01]. Khu vực hành lang, các lớp có thùng đựng và phân loại rác thải, nhà chứa rác trang bị các thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo môi trường sạch sẽ [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh được xây khép kín bên trong các nhóm lớp. Nhà vệ sinh lớp mẫu giáo có diện tích 22,5 m², trung bình 0,6m²/trẻ, nhà vệ sinh nhóm nhà trẻ có diện tích 14,85 m² trung bình 0,4 m²/trẻ. Thiết bị vệ sinh phù hợp với trẻ, đủ phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân, được phân chia nam, nữ riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng (nhà trẻ 20-25 bé/lớp có 03 bệ xí, 02 chậu tiểu, 02 lavabo rửa tay; mầm 25bé/lớp có 02 bồn tiểu nam, 03 bồn cầu, 04 lavabo rửa tay; chồi 30 bé/lớp có 06 bệ xí, 03 tiểu nam, 6 lavabo rửa tay; lá 35 bé/lớp có 06 bệ xí, 03 tiểu nam, 7 lavabo rửa tay) [H3-3.6-07]. Trường có 02 khu nhà vệ sinh cho nhân viên, giáo viên diện tích mỗi khu vệ sinh là 32,5 m²/khu trong đó có khu vệ sinh nam nữ riêng, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Tuy nhiên, thiết bị đồ dùng nhà vệ sinh nam nữ của nhân viên, giáo viên tầng trệt bị xuống cấp và các trang thiết bị vệ sinh cũ [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03].

b) Trường sử dụng hệ thống cung cấp nước sạch công ty cổ phần cấp nước Trung An, đảm bảo đủ nước uống và nước dùng trong sinh hoạt cho trẻ, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H3-3.3-01]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, có cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp, có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác thải, bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Nhà rác tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng, rác được thu gom hằng ngày, không có rác tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các lớp học đều có nhà vệ sinh riêng, đảm bảo khô ráo sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Thiết bị, đồ dùng nhà vệ sinh nam nữ của nhân viên, giáo viên lâu 1 cũ, bị hư.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì, bảo dưỡng, trang bị, bổ sung, thay mới các đồ dùng, thiết bị nhà vệ sinh cho khu vực nhà vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên và lớp học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường được thiết kế xây dựng kiên cố, thoáng mát; khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường; hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, với đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định. Mỗi lớp đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sữa sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Đồ chơi ngoài trời ngoài danh mục đa dạng, sáng tạo, khai thác hiệu quả.

Điểm yếu cơ bản:

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở có độ bền không cao.

Sân chơi cát nước diện tích sân bê tông hóa.

Chưa có phòng riêng cho hoạt động ngoại khóa ngoại ngữ, tin học.

Nhà xe giáo viên nhân viên còn 01 bên chưa có vách che mưa bảo vệ tài sản.

Trường chưa trang bị máy cắt rau củ và máy rửa chén nhằm giảm tải sức lao động cho nhân viên nấu ăn.

Thiết bị, đồ dùng nhà vệ sinh nam nữ của nhân viên, giáo viên tăng trệt hư.

Số lượng Tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng Tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường Mầm non 19/8 có Ban đại diện cha mẹ trẻ nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường tổ chức Đại hội Đại biểu Cha mẹ trẻ và bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ gồm có 01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban, 01 thư ký và 15 ủy viên; hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, các cuộc họp bất thường, bản tin của trường, lớp và thông qua việc trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm của từng nhóm lớp [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, các lễ hội [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]. Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của lớp, zalo lớp, web. Vận động cha mẹ trẻ tham dự nghe bác sĩ báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H3-3.6-01]; [H4-4.1-05]. Giáo viên các lớp và phụ huynh thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe, tình hình ăn ngủ, các hoạt động học của trẻ trong ngày qua giờ đón, trả trẻ, sổ bé ngoan, sổ liên lạc, zalo lớp để có sự thống nhất trong chăm sóc giáo dục trẻ. Tuy nhiên, một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT

ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Năm 2020-2021, Ban đại diện cha mẹ trẻ đã vận động và tài trợ trái sân cỏ nhân tạo khu vực sân chính cho trẻ hoạt động với 450 m², hỗ trợ tổ chức hoạt động tham quan ngoại khóa (tham quan doanh trại bộ đội, dâng hương Khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng, tham quan vườn rau sạch) và một số chương trình lễ hội (Giỗ tổ Hùng Vương, Noel). Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp tổ chức 05 hội thi thành công, được đông đảo cha mẹ trẻ tham gia [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo Điều lệ trường mầm non ban hành, phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Năm 2020-2021, Ban đại diện cha mẹ trẻ đã vận động và tài trợ trái sân cỏ nhân tạo khu vực sân chính cho trẻ hoạt động an toàn với diện tích sân là 450 m².

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh chưa tích cực thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề để tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức về chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để tạo sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trường tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01]; đề xuất Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường; ký kết quy chế phối hợp với công an xã Xuân Thới Sơn về đảm bảo an ninh trường học [H1-1.10-01].

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ trẻ để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ trẻ, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp, giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ hộ nghèo, cận nghèo [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-05]; [H4-4.1-01].

c) Trường thường xuyên liên hệ chặt chẽ với công an xã, xã đội không để tình trạng mua bán gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường [H1-1.10-01]; phối hợp với Trạm Y tế xã tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng cơ bản để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H3-3.6-01].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hỗ trợ 100% học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc dân tộc Khơ-me theo quy định Nhà nước tạo điều kiện giúp các cháu tiếp tục đến trường hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non [H1-1.6-05]. Tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trang bị bổ sung cơ sở vật chất giữ vững trường Chuẩn quốc gia mức độ 1, xây dựng Đơn vị văn hoá, trường học an toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại đơn vị, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.6-07]; [H1-1.10-01]; [H4-4.2-02].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: ngày hội bé đến trường, hội thi trò chơi dân gian, tết Trung Thu, lễ hội Giáng sinh, tham quan doanh trại bộ đội, lễ hội Tết và mùa xuân, Giỗ tổ Hùng Vương, thăm và dâng hương Khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng, dâng hương Nhà bia Liệt sĩ xã Xuân Thới Sơn, tham quan trải nghiệm vườn rau sạch. Tuy nhiên, trường chưa huy động được nhiều nguồn lực xã hội để tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú hơn [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Mức 3:

Nhà trường xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-05]; [H4-4.1-01]; [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Chưa huy động được nhiều nguồn lực xã hội để tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với cha mẹ trẻ và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Một số cha mẹ trẻ bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

Chưa huy động được nhiều nguồn lực xã hội để tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú hơn.

Số lượng Tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng Tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, Trường Mầm non 19/8 thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và theo chỉ đạo của ngành. Thực hiện nhiều chuyên đề cho huyện, cho trường hiệu quả. Giáo viên của trường hiểu và vận dụng tốt phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức hình thức giáo dục đa dạng nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ. Giáo viên còn hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi. Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực một cách thường xuyên, đảm bảo tính khách quan để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc, số trẻ suy dinh dưỡng luôn giảm còn dưới 1% cuối năm.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch từng năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành, đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn kiểm tra phê duyệt [H1-1.1-03]; [H1-1.4-08]; [H1-1.6-04].

b) Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm học, tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường, 100% giáo viên các nhóm, lớp phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình giáo dục mầm non; Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.8-01]. Các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager 8, kịp thời cập nhật theo năm, tháng,

tuần, theo tình hình lớp, khả năng cháu và chuẩn bị giáo cụ tổ chức các hoạt động cho trẻ [H1-1.8-01], [H1-1.4-08].

c) Phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn nhà trường kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08]. Tuy nhiên, trong sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

Mức 2:

a) 100% nhóm lớp xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đạt chất lượng: chương trình giáo dục phù hợp từng lứa tuổi, có nội dung phát triển các lĩnh vực của trẻ, các hình thức giáo dục đa dạng. Ngoài ra, giáo viên hiểu và ứng dụng tốt phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tận dụng sản phẩm của trẻ tổ chức môi trường hoạt động hiệu quả [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08]; [H5-5.1-03].

b) Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non dựa trên chương trình khung do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, trên cơ sở lồng ghép linh hoạt các nội dung giáo dục có liên quan đến truyền thống văn hóa địa phương, vùng, miền vào kế hoạch giáo dục sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường, đáp ứng khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương qua việc cải tạo môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ; tham khảo chương trình giáo dục theo mô hình Nhật Bản trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường [H5-5.1-03].

b) Hằng năm, nhà trường tổng kết và đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để

nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.1-04]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường, trẻ phát triển các lĩnh vực rất tốt, mẫu giáo đạt từ 97,7% - 98,5%, nhà trẻ đạt từ 92,68% - 95,12%.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên thực hiện chương trình giáo dục mầm non chưa sáng tạo, hiệu quả không cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo đúng kế hoạch đề ra. Chỉ đạo giáo viên lồng ghép các yếu tố có liên quan đến văn hóa của địa phương, vùng, miền vào kế hoạch giáo dục phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng cho các giáo viên mới nhằm bắt kịp thời Chương trình giáo dục mầm non như: tham gia các lớp bồi dưỡng do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn tổ chức, tham dự các chuyên đề, các hoạt động thao giảng. Thường xuyên họp, thảo luận, tạo điều kiện, khuyến khích giáo viên mạnh dạn nêu vấn đề hạn chế, góp ý xây dựng nâng cao chuyên môn. Đồng thời hướng dẫn các tổ xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề còn hạn chế của từng tổ.

Xây dựng kế hoạch dài hạn hướng đến mục tiêu Trường tiên tiến hiện đại so với các nước trong khu vực.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

- a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*
- b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*
- c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.4-06]; [H1-1.6-04]; [H1-1.4-08].

b) Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.4-08]; [H1-1.8-01].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp như: hoạt động có chủ định của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, dã ngoại, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp, nhóm, cá nhân [H5-5.2-01].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu, giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08]; [H1-1.6-04]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”, trong lớp học có đủ các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, mảng tường của lớp có các trò chơi cho trẻ hoạt động, ngoài lớp học có bố trí đồ chơi ngoài trời, khu chơi vận động, khu nhà chòi dân gian, khu vực trồng rau, khu chơi cát, chơi nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian. Tuy nhiên còn một vài lớp sắp xếp kệ đồ chơi chưa thông thoáng, không thuận tiện, chưa kích thích trẻ hứng thú chơi [H3-3.1-03]; [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học lấy trẻ làm trung tâm, gắn với thiên nhiên phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

3. Điểm yếu

Một vài giáo viên chưa vận động tốt sản phẩm của trẻ để xây dựng môi trường hoạt động

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Kiểm tra và hướng dẫn giáo viên sắp xếp đồ chơi thuận tiện, dễ lấy, dễ sử dụng đồng thời kích thích trẻ hứng thú khám phá đồ chơi. Và tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên trong việc xây dựng môi trường một cách linh hoạt, sáng tạo thu hút trẻ vào các hoạt động hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

- a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*
- b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*
- c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

- a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*
- b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*
- c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, y tế trường đã tiến hành kiểm tra tình hình khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho trẻ. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với Trạm Y tế xã chăm lo sức khỏe cho trẻ như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H3-3.6-01].

b) Năm học 2021-2022: 604/604 đạt 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H3-3.6-01].

c) 100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp dinh dưỡng, vận động phù hợp, trẻ suy dinh dưỡng - thừa cân - béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng [H3-3.6-01]; [H1-1.6-04]. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch vận động dư cân [H1-1.6-04]. Năm học 2021-2022, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 53/467 trẻ, đầu ra là 23/542 trẻ, phục hồi 30/542 trẻ đạt tỷ lệ: 4.24%, số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 3/467 trẻ, đầu ra là 0/467 trẻ, phục hồi 3/3/467 trẻ đạt tỷ lệ 100%, số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 2/467 trẻ, đầu ra là 0/467 trẻ, phục hồi 2/2/467 trẻ đạt tỷ lệ 100%, số lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn: 0/621 [H1-1.4-06]; [H1-1.6-04]; [H3-3.6-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng thừa cân - béo phì [H1-1.6-04]; [H4-4.1-05].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-

BGDDT), xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa, thực đơn trong tuần không trùng lặp nhau, ngoài ra trẻ còn được ăn trứng, phô mai, uống sữa, ăn yaourt, bánh flan [H1-1.6-04].

c) Trường tổ chức cân đo cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì hàng tháng và báo kết quả cân đo cho phụ huynh, đồng thời trao đổi thông tin của trẻ đến phụ huynh nhằm có biện pháp hợp lý cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ trong việc chọn sữa phù hợp thể trạng và thời gian bổ sung sữa hợp lý trong ngày cho trẻ. Năm học 2021-2022, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 67/621 trẻ, phục hồi 57/621 trẻ, còn lại là 10/621 trẻ thừa cân - béo phì tỷ lệ 1,6%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 03/621 trẻ, phục hồi 03/621 trẻ, còn lại là 0/621 trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân tỷ lệ 0%, số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 05/621 trẻ, phục hồi 04/621 trẻ, còn lại là 01/621 trẻ tỷ lệ 0,16%, số lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn: 0/621 [H3-3.6-01].

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá có tỷ lệ 95.75% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H3-3.6-01].

2. Điểm mạnh

Trường phối hợp tốt với Trạm Y tế xã Xuân Thới Sơn trong công tác chăm sóc sức khỏe, tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trẻ, phát triển bình thường theo độ tuổi đạt tỷ lệ đạt 98,3%. Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tỷ lệ phục hồi trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng chiều cao còn dưới 1%.

	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022
Suy dinh	Đầu vào: 03 Đầu ra: 00	Đầu vào: 02 Đầu ra: 00	Đầu vào: 02 Đầu ra: 00	Đầu vào: 03 Đầu ra: 00	Đầu vào: 03 Đầu ra: 03

dưỡng nhẹ cân					
Suy dinh dưỡng chiều cao	Đầu vào: 03 Đầu ra: 02	Đầu vào: 06 Đầu ra: 06	Đầu vào: 11 Đầu ra: 10	Đầu vào: 09 Đầu ra: 08	Đầu vào: 02 Đầu ra: 02
Béo phì	Đầu vào: 46 Đầu ra: 23	Đầu vào: 50 Đầu ra: 34	Đầu vào: 49 Đầu ra: 35	Đầu vào: 67 Đầu ra: 57	Đầu vào: 53 Đầu ra: 30

2. Điểm yếu

Hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, chưa phong phú nên chưa thu hút được nhiều phụ huynh tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ phối hợp với Trung tâm Y tế huyện để khám sức khỏe cho trẻ và tiếp tục thực hiện mô hình, tăng cường phối hợp với đoàn thể trong trường và phụ huynh trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì tại đơn vị. Tập thể nhà trường tuyên truyền đến cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì, cho trẻ được vận động và tiếp xúc nhiều hơn với nắng sáng, bổ sung sữa hợp lý cho trẻ ở nhà cũng như ở trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh và quản lý trẻ hằng ngày; khi trẻ vắng không phép, giáo viên chủ động liên hệ với phụ huynh để biết lý do trẻ nghỉ học, trẻ đi học chuyên cần đạt từ 90% - 98% trong đó trẻ 5 tuổi đạt 95% - 98% trẻ lứa tuổi khác đạt 95% [H1-1.4-08]. Tuy nhiên, một số trẻ còn nghỉ học do phụ huynh cho trẻ về quê, do dịch bệnh Covid-19.

b) Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H1-1.4-06]; [H5-5.1-01].

c) Năm học 2017-2018 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 95% - 98%; trẻ dưới 5 tuổi 90% - 95% [H1-1.4-08].

b) Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H5-5.1-01]

c) Năm học 2017-2018 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định, năm học 2021-2022, trường có 165/165 trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 100% [H5-5.1-01].

b) Năm học 2017 - 2018 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ chuyên cần đạt trên mức quy định: trẻ 5 tuổi đạt 95% - 98%; trẻ dưới 5 tuổi đạt 90% - 95%. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định. Năm học 2021-2022, trường có 165/165 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%.

Năm học	Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi	Tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi
2017-2018	97,1%	95,47%
2018-2019	96,74%	96,03%
2019-2020	96,46%	95,86%
2020-2021	97,16%	95,78%
2021-2022	97,06%	95,88%

3. Điểm yếu

Do tình hình kinh tế không ổn định sau dịch nên một vài cha mẹ học sinh cho con về quê.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể trong xã và phụ huynh thực hiện tốt đề án phổ cập giáo dục trẻ 05 tuổi tại trường và duy trì được tỷ lệ chuyên cần của trẻ, nâng cao thể lực của trẻ nhóm nhà trẻ nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mang tính khả thi. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện. Có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ giúp trẻ đạt những kỹ năng phù hợp với độ tuổi, phù hợp với chương trình giáo dục mầm non. Chất lượng chuyên môn được nâng cao qua từng năm thu hút cha mẹ trẻ tin tưởng, nhu cầu gửi con tại trường ngày càng tăng cao.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa đủ điều kiện ứng dụng thực hiện tiên tiến hiện đại phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

Số lượng trẻ 4-5 tuổi, 5-6 tuổi tham gia các chuyến tham quan chưa đạt hết 100%.

Trường chưa phối hợp với Trung tâm Y tế để khám sức khỏe cho trẻ.

Số lượng Tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng Tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

PHẦN III

KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non 19/8 đã thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo 05 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đã đối chiếu 25 tiêu chí, 75 chỉ số báo theo quy định, với các thành quả về hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường đã đạt được trong 05 năm học vừa qua với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non, trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Số lượng các Tiêu chí đạt Mức 1: 25/25; tỷ lệ 100%
- Số lượng các Tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25; tỷ lệ 00%
- Số lượng các Tiêu chí đạt Mức 2: 25/25; tỷ lệ 100%
- Số lượng các Tiêu chí không đạt Mức 2: 00/25; tỷ lệ 00%
- Số lượng các Tiêu chí đạt Mức 3: 16/19; tỷ lệ 84.2%
- Số lượng các Tiêu chí không đạt Mức 3: 03/19; tỷ lệ 15.8%
- Mức đánh giá của Trường Mầm non 19/8: Mức 2
- Trường Mầm non 19/8 đề nghị đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục của Trường Mầm non 19/8 về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự chỉ đạo quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo, các cấp quản lý, các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của các mạnh thường quân, Ban đại diện cha mẹ trẻ để trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu. Từ đó, nhà trường sẽ có cơ sở và biện pháp cải tiến nhằm đưa chất lượng chăm sóc, giáo dục tại đơn vị ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn, trường ngày càng phát triển toàn diện và bền vững./.

Hóc Môn, ngày 30 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Diễm

PHẦN IV. PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng chiến lược phát triển giáo dục đào tạo	Nhiệm kỳ 2015-2020 Nhiệm kỳ 2021-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo, xã Xuân Thới Sơn	Nhiệm kỳ 2014-2020 Nhiệm kỳ 2021-2025	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn; Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn; Phòng Giáo dục và Đào tạo, huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	4	[H1-1.1-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.1-05]	Hồ sơ Hội đồng trường	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.1-06]	Quyết định thành lập các Hội đồng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			Quyết định khác	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Sổ họp Liên tịch nhà trường. Sổ họp Hội đồng sư phạm nhà trường.	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ thi đua khen thưởng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ tuyển sinh (Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh; Kế hoạch tuyển sinh; Bảng thống kê học sinh; Danh sách học sinh)	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ Hội đồng chấm sáng kiến	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Hồ sơ Hội đồng chấm giáo viên dạy giỏi, nhân viên nấu ăn giỏi	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021-2022	chăm sóc nuôi dưỡng.	chăm sóc nuôi dưỡng.
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn (Quyết định chuẩn y Ban Chấp hành Công đoàn; Nghị quyết Công đoàn; Kế hoạch hoạt động Công đoàn; Biên bản họp Công đoàn; Hồ sơ tổ Công đoàn; Hồ sơ nữ công; Hình ảnh cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham quan hệ, các hoạt động)	Nhiệm kỳ 2014-2019 Nhiệm kỳ 2019-2022	Công đoàn trường Mầm non 19/8	Chủ tịch Công đoàn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn (Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Chi đoàn; Nghị quyết Chi đoàn; Kế hoạch hoạt động Chi đoàn; Biên bản họp Chi đoàn; Hình ảnh hoạt động)	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Chi đoàn trường Mầm non 19/8	Bí thư Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Chi hội Khuyến học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Chi hội Chữ thập đỏ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi bộ; Văn bản tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương	Nhiệm kỳ 2017-2020 Nhiệm kỳ 2020-2022	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ công nhận hạng trường	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ cá nhân của Hiệu trưởng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ cá nhân của Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ cá nhân của Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	5	[H1-1.4-05]	Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ tổ chuyên môn	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng; Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng; Tổ trưởng chuyên môn
	7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ tổ văn phòng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Tổ trưởng tổ văn phòng	Tổ trưởng tổ văn phòng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	8	[H1-1.4-08]	Hồ sơ quản lý chuyên môn	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý trẻ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Giáo viên	Giáo viên
	2	[H1-1.5-02]	Sổ điểm danh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kế toán	Kế toán

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	3	[H1-1.5-03]	Bảng thống kê học sinh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ quản lý nhân sự Hồ sơ tuyển dụng Hồ sơ quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2017-2018	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	3	[H1-1.6-03]	Quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng; Kế toán	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng; Kế toán
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ quản lý bán trú	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ kế toán	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Kế toán	Kế toán
	6	[H1-1.6-06]	Biên bản kiểm tra tài chính của các cấp có thẩm quyền	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hóc Môn	Kế toán
	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy chế phối hợp	Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm 2022		
	8	[H1-1.6-08]	Phần mềm IMAS, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm bảo hiểm xã hội...	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Kế toán	Kế toán
	9	[H1-1.6-09]	Hồ sơ công văn đi, công văn đến	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Văn thư	Văn thư
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			Hồ sơ thống kê văn bằng, chứng chỉ giáo viên, nhân viên	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Quyết định phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Đề án vị trí việc làm; Văn bản giao biên chế của huyện.	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	4	[H1-1.7-04]	Hồ sơ thực hiện quy chế dân chủ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.7-05]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Hồ sơ giáo viên (Kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần, giáo án; bảng đánh giá khả năng phát triển của trẻ; sổ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Giáo viên	Giáo viên

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			bé ngoan, sổ liên lạc; hồ sơ lưu sản phẩm của trẻ)	Năm học 2021-2022		
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ theo dõi đánh giá trẻ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
	3	[H1-1.8-03]	Biên bản kiểm tra đánh giá về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Ban thanh tra nhân dân	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ tiếp công dân Hồ sơ giải quyết đơn	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Quy chế phối hợp công an xã Xuân Thới Sơn về phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
	3	[H1-1.10-03]	Phương án, biên bản phòng, chống tai nạn thương tích	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
	4	[H1-1.10-04]	Phương án, biên bản, hình ảnh phòng, chống cháy nổ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021-2022		
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ công tác phòng, chống thảm họa thiên tai	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
	6	[H1-1.10-06]	Hồ sơ công tác phòng chống dịch bệnh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
	7	[H1-1.10-07]	Hồ sơ công tác phòng chống tệ nạn xã hội và	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			phòng chống bạo lực trong nhà trường	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng (Hồ sơ nhà đất sơ đồ tổng thể các khu vực sân chơi, bếp, khu hành chính trong nhà trường, phòng chức năng)	Năm 2014	Công ty địa ốc Gò Môn	Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp toàn trường, các khu vực (file đĩa hình)	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	3	[H3-3.1-03]	Danh mục đồ dùng - đồ chơi, thiết bị đồ chơi trong lớp và ngoài trời	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Bảng biểu phục vụ hoạt động nhà bếp	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Kế hoạch hội thi làm đồ dùng đồ chơi	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	2	[H3-3.5-02]	Hồ sơ mua sắm, sửa chữa	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng; Kế toán	Hiệu trưởng; Kế toán
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hồ sơ y tế	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Y tế	Y tế

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H3-3.6-02]	Hóa đơn thu tiền nước sinh hoạt, tiền rác sinh hoạt, tiền nước uống	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện Cha mẹ trẻ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động lễ hội, hội thi	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021-2022		
	3	[H4-4.1-03]	Hình ảnh hoạt động lễ hội, hội thi, sự kiện	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
	3	[H4-4.1-04]	Hồ sơ xã hội hóa giáo dục	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H4-4.1-05]	Tài liệu, hình ảnh tuyên truyền	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục;	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục;

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng.
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Văn thư	Văn thư
	2	[H4-4.2-02]	Hồ sơ công nhận đơn vị văn hóa	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ chuẩn 5 tuổi	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H5-5.1-02]	Hình ảnh các hoạt động, sản phẩm của trẻ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng; Giáo viên.	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng; Giáo viên.
	3	[H5-5.1-03]	Vận dụng Chương trình tham khảo nước Nhật, hình ảnh cụ thể	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021-2022		
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hoạt động khám phá trải nghiệm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục